

Bản án số: 1942/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 01-10-2018.

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn,

2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 9 năm 2018 và ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 2078/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **323/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày **06** tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần HV**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Chế TT**, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Trần HV trình bày:*

Ông và bà Chế TT kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 12 năm 1989. Trong thời gian

chung sống, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện, ông và bà T. đang sống chung nhà nhưng mỗi người có phòng riêng. Do đó, ông yêu cầu ly hôn bà Chế TT. Về con chung: Có hai con chung tên Trần HQ, sinh ngày 30/5/1991 (đã trưởng thành) và Trần HA, sinh ngày 25/10/2003. Ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần HA, không yêu cầu bà T. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông V. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông V. giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn bà T., đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T. cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

** Tại bản tự khai ngày 01/12/2017, bị đơn bà Chế TT trình bày:*

Bà và ông V. tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận năm 1989. Thời gian đầu, gia đình bà sống hạnh phúc. Đến năm 2015, chồng bà làm tài xế xe du lịch 07 chỗ. Từ đó, chồng bà thay đổi hoàn toàn, bỏ bê gia đình, đi sớm về muộn. Bà không biết ông V. có còn tình cảm gì với bà hay không nhưng bà vẫn còn yêu thương chồng và gia đình. Bà không đồng ý ly hôn ông V.. Về con chung: Có hai con chung tên Trần HQ, sinh ngày 30/5/1991 (đã trưởng thành) và Trần HA, sinh ngày 25/10/2003. Bà yêu cầu ông V. cấp dưỡng tiền ăn học cho con chung.

Tại phiên tòa, bà không đồng ý ly hôn ông V. vì con lớn của vợ chồng bà sắp cưới vào tháng 12/2018, bà vẫn muốn sống chung, chăm sóc bố mẹ chồng và các con. Trong trường hợp ly hôn, bà đề nghị nuôi trẻ HA và ông V. cấp dưỡng nuôi con ăn học hàng tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Ông Trần HV khởi kiện ly hôn bà Chế TT có địa chỉ tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần HV, giao con chung tên Trần HA, sinh ngày 25/10/2003 cho bà T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông V. có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng là 3.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông Trần HV khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Chế TT, cư trú tại Phường 6, quận Bình Thạnh phù hợp kết quả xác minh của Công an Phường 6, quận Bình Thạnh theo Quyết định số 243/2018/QĐ-CCTLCC ngày 30/01/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 140/Q2/1989 ngày 06 tháng 12 năm 1989 của Ủy ban nhân dân Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà Chế TT và ông Trần HV là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên ông V. về đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V. cho rằng vợ chồng ông không còn tình cảm, không còn lòng tin, vợ chồng không còn hạnh phúc nên tại phiên toà, ông V. vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn bà Chế TT. Đối với bị đơn bà Chế TT, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T. không có mặt, và tại phiên toà, bà T. cho biết: Những lần vắng mặt đó là do bà phải đi làm và tại lần hoà giải ngày 06/3/2018, bà đã bỏ về không ký biên bản vì phải đón con đi học về.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, bà T. và ông V. thừa nhận khoảng hơn **hai năm nay** vợ chồng ông V., bà T. sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người ở mỗi phòng. Đồng thời, bà T. cũng thừa nhận ông V. không tôn trọng bà nhưng bà vẫn chấp nhận thái độ này của ông nên không đồng ý ly hôn vì bà T. vẫn muốn sống chung và chăm sóc bố mẹ chồng, các con, và vì con lớn của vợ chồng bà sắp cưới vào tháng 12/2018. Kết quả xác minh tại tổ dân phố và tại địa chỉ cư ngụ theo Biên bản ngày 17/7/2018 thể hiện: *Tại địa chỉ Phường 6, quận Bình Thạnh, ông V. và bà T. có cư trú tại đây nhưng không còn sống chung với nhau nữa, tổ hoà giải khu phố và phường chưa nhận được đơn xin hoà giải của ông V. bà T. (Được đính kèm theo Văn*

bản số 228/UBND ngày 19/7/2018, Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng theo sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa và kết quả xác minh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giữa ông V. và bà T. thật sự có tồn tại mâu thuẫn từ lâu, và đến thời điểm hiện tại ông V. vẫn giữ yêu cầu ly hôn, nên điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông V. và bà T. lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, lý do bà T. đưa ra cho việc không đồng ý ly hôn ông V. vì vẫn muốn sống chung và chăm sóc bố mẹ chồng, các con, và vì con lớn của vợ chồng bà sắp cưới vào tháng 12/2018 là không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là có căn cứ. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận khởi kiện của ông Trần HV yêu cầu ly hôn bà Chế TT.

Xét tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần HV đồng ý cho bà Chế TT lưu cư tại nhà số 189 Phường 6, quận Bình Thạnh trong thời hạn 12 tháng (Mười hai tháng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, ông Trần HV và bà Chế TT có hai con chung tên Trần HQ, sinh ngày 30/5/1991 và Trần HA, sinh ngày 25/10/2003. Bà Chế TT không đồng ý giao con Trần HA cho ông V. nuôi dưỡng, chăm sóc vì bà hiện là người trực tiếp đang chăm sóc cho con.

Sau khi nghe phân tích việc đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của con chưa thành niên tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần HV thay đổi yêu cầu liên quan đến con chung, ông V. đồng ý giao con chung tên Trần HA cho bà T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông V. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi bản án được tuyên, giao nhận trực tiếp vào ngày 10 (Mười) hàng tháng vì đặc thù công việc của ông không thể chăm sóc tốt cho con. Xét bà T. đồng ý yêu cầu liên quan đến việc giải quyết con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng mà ông V. đưa ra trong trường hợp ly hôn, đồng thời trẻ Trần HA cũng trình bày mẹ bé bà Chế TT là người trực tiếp chăm sóc, muốn được sống cùng cả cha và mẹ, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung tên Trần HA, sinh ngày 25/10/2003 cho bà

T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông V. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng ngay sau khi bản án được tuyên, giao nhận trực tiếp vào ngày 10 (Mười) hàng tháng.

[4] Về tài sản chung:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn ông Trần HV, bà Chế TT không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn ông Trần HV phải chịu án phí sơ thẩm tổng cộng là 600.000 đồng, trong đó án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần HV.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần HV và bà Chế TT.

1.2. Về con chung: Có hai con chung tên Trần HQ, sinh ngày 30/5/1991 (Đã trưởng thành) và Trần HA, sinh ngày 25/10/2003. Giao con chung tên Trần HA cho bà Chế TT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Ông V. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Trần HA hàng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu ngay sau khi bản án được tuyên, giao nhận tiền trực tiếp vào ngày 10 (Mười) hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

1.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Trần HV không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần HV cho bà Chế TT lưu cư tại nhà số 189 Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 12 tháng (Mười hai tháng), kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần HV phải nộp.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần HV phải nộp.

Tổng số tiền án phí sơ thẩm mà ông Trần HV phải nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003153 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần HV còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 7, Q. Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Vũ Thị Thúy Vân